CỤC THỐNG KÊ
CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/QĐ-CCTK

Lai Châu, ngày 21 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BTC ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CCTK ngày 18/4/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-CCTK ngày 13/5/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu *(theo biểu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Được quét bằng CamScanner

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Kế toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Vụ Ban KHTC (CTK);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, KT.

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH LAI CHÂU
CỤC THỐNG KÊ

Lê Lâm Bằng

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị: Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu

Chương: 018

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH LAI CHÂU
CỤC THỐNG KÊ

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-CCTK ngày 21/5/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao điều chỉnh		Tổng số đã điều chỉnh		Văn phòng Cục	Cơ quan Chi cục	CCTK khu vực LC-TD	Đội Thống kê số 1	CCTK huyện Mường Tè	Đội Thống kê số 2	CCTK huyện Sìn Hồ	Đội Thống kê số 3	CCTK huyện Phong Thổ	Đội Thống kê số 4	CCTK khu vực Than Uyên	Đội Thống kê số 5	CCTK huyện Nậm Nhùn	Đội Thống kê số 6
		Mã chương 013	Mã chương 018	Mã chương 013	Mã chương 018	Mã chương 013	Mã chương 018	Mã chương 013	Mã chương 018	Mã chương 013	Mã chương 018	Mã chương 013	Mã chương 018	Mã chương 013	Mã chương 018	Mã chương 013	Mã chương 018	Mã chương 013	Mã chương 018
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-		-			-		-		-		-		-		-		-
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	-24.931	24.931	-24.851	24.931	-20.682,096	20.762,096	-1.104,897	1.104,897	-460,513	460,513	-535,793	535,793	-503,721	503,721	-1.096,325	1.096,325	-467,655	467,655
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	-24.931	24.931	-24.851	24.931	-20.682,096	20.762,096	-1.104,897	1.104,897	-460,513	460,513	-535,793	535,793	-503,721	503,721	-1.096,325	1.096,325	-467,655	467,655
1	**Chi quản lý hành chính**	-24.891	24.891	-24.891	24.891	-20.722,096	20.722,096	-1.104,897	1.104,897	-460,513	460,513	-535,793	535,793	-503,721	503,721	-1.096,325	1.096,325	-467,655	467,655
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-15.065	15.065	-15.065	15.065	-12.006,096	12.006,096	-804,897	804,897	-340,513	340,513	-365,793	365,793	-333,721	333,721	-846,325	846,325	-367,655	367,655
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-9.826	9.826	-9.826	9.826	-8.716	8.716	-300	300	-120	120	-170	170	-170	170	-250	250	-100	100
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**																		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ																		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia																		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ																		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở																		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng																		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		

Được quét bằng CamScanner

STT	Nội dung	Tổng số được giao điều chỉnh		Tổng số đã điều chỉnh		Văn phòng Cục	Cơ quan Chi cục	CCTK khu vực LC-TD	Đội Thống kê số 1	CCTK huyện Mường Tè	Đội Thống kê số 2	CCTK huyện Sìn Hồ	Đội Thống kê số 3	CCTK huyện Phong Thổ	Đội Thống kê số 4	CCTK khu vực Than Uyên	Đội Thống kê số 5	CCTK huyện Nậm Nhùn	Đội Thống kê số 6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-40	40	40	40	40	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-40	40	-40	40	-40	40												
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình																		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																		

Được quét bằng CamScanner